

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TRÀNG AN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TRÀNG AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRANG AN CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TRANG AN CONSULTING SERVICES CO. LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110064711

**3. Ngày thành lập:** 19/07/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 8, ngõ 495/1/30 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0909010534

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý mua bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4610     |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(không bao gồm bán buôn động vật sống)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4620     |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4631     |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết:<br>Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt<br>Bán buôn thủy sản<br>Bán buôn rau, quả<br>Bán buôn cà phê<br>Bán buôn chè<br>Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột<br>Kinh doanh thực phẩm chức năng (Điều 9, Nghị định 67/2016/NĐ-CP quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế) | 4632     |
| 5.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4633     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4649     |
| 7.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4652     |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4653     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4659        |
| 10. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                                                              | 4661        |
| 11. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(không bao gồm kinh doanh vàng miếng, kinh doanh vàng nguyên liệu)                                                                                                                                                                                                                 | 4662        |
| 12. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4663        |
| 13. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                          | 4669        |
| 14. | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8220        |
| 15. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Không bao gồm hoạt động tổ chức hợp báo)                                                                                                                                                                                                                                    | 8230        |
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (khoản 2, khoản 3 điều 28 Luật Thương mại năm 2005)<br>(không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                        | 8299        |
| 17. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6311        |
| 18. | Cổng thông tin<br>(trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6312        |
| 19. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6399        |
| 20. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)                                                                                                                                       | 6619(Chính) |
| 21. | Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm<br>Chi tiết: Đại lý bảo hiểm                                                                                                                                                                                                                                                    | 6622        |
| 22. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>Môi giới bất động sản (khoản 2 Điều 3 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014)<br>Tư vấn bất động sản (Khoản 8 Điều 3 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014)<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá bất động sản; đấu giá quyền sử dụng đất) | 6820        |
| 23. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7020        |
| 24. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4690        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 25. | <p>Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Kinh doanh thực phẩm chức năng (Điều 9, Nghị định 67/2016/NĐ-CP quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4722 |
| 26. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4723 |
| 27. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4724 |
| 28. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4781 |
| 29. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4784 |
| 30. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4789 |
| 31. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4759 |
| 32. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4771 |
| 33. | <p>Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Bán lẻ vàng trang sức, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;</p> <p>Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;</p> <p>Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh;</p> <p>Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên do;</p> <p>Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;</p> <p>Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;</p> <p>Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br/>(không bao gồm kinh doanh vàng; kinh doanh súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; kinh doanh tem và tiền kim khí)</p> | 4773 |

6. **Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

7. **Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: Giới tính:  
Sinh ngày: Dân tộc: Quốc tịch:  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:  
Ngày cấp: Nơi cấp:  
Địa chỉ thường trú:  
Địa chỉ liên lạc:

8. **Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN TUẤN TÚ Giới tính: Nam  
Chức danh: Giám đốc  
Sinh ngày: 27/10/1981 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001081002491  
Ngày cấp: 10/07/2021 Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội  
Địa chỉ thường trú: 115-K300, T 2, Phố Ngã Ngha, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Địa chỉ liên lạc: 115-K300, T 2, Phố Ngã Ngha, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. **Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội